

Bản án số: 126/2022/HC-PT

Ngày 24/02/2022

V/v “Khiếu kiện quyết định miễn tiền
thuê đất, quyết định giải quyết khiếu
nại, quyết định miễn tiền thuê đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán:

Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 424/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định miễn tiền thuê đất, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định miễn tiền thuê đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn K;

Địa chỉ trụ sở: Tiểu khu 419, xã X1, huyện B1, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H; chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Phường 7, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ trụ sở: Phường 3, thành phố P, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần H2; chức vụ: Cục trưởng Cục Thuế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H3; chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Thuế. Theo văn bản ủy quyền ngày 17/12/2021 (có mặt).

2.2. Chi cục Thuế huyện B1 nay là Chi cục Thuế Khu vực B2 - B1, tỉnh Lâm Đồng;

Địa chỉ trụ sở: Phường 1, thành phố B2, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh H4; chức vụ: Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế khu vực B2 - B1.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H5; chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi Cục Thuế khu vực B2- B1. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T;

Địa chỉ trụ sở: phường X2, thành phố B2, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sách H6; chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/02/2020 và ngày 04/3/2020; Biên bản ghi lời khai ngày 12/3/2019 người khởi kiện Công ty TNHH K trình bày:

Ngày 24/02/2012, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (sau đây viết tắt là Công ty K) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 580 1093358 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Ngành nghề kinh doanh là trồng rừng và chăm sóc rừng. Công ty có 02 thành viên góp vốn là Công ty TNHH T góp vốn tương đương 15.000.000.000 đồng và ông H góp tương đương 10.000.000.000 đồng.

Ngày 03/10/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 42121000700 theo đó Công ty K thực hiện dự án trồng cây cao su, trồng rừng kết hợp với quản lý rừng tại một phần Tiểu Khu 419 thuộc địa bàn xã X1, huyện B1. Trụ sở công ty là ở Tiểu Khu 419 thuộc địa bàn xã X1, huyện B1. Theo giấy chứng nhận đầu tư thì Công ty K được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê đất đối với diện tích trồng rừng, chăm sóc rừng.

Sau khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Công ty đã thực hiện kê khai đóng thuế hàng tháng, hàng quý và hàng năm theo đúng quy định. Ngoài ra, công ty không nhận được thông báo, giấy mời hoặc yêu cầu nào của Chi cục thuế huyện B1 về việc cung cấp hoặc nộp hồ sơ miễn tiền thuê đất theo Điều 3, Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ. Sau đó, Công ty được biết toàn bộ các thư, thông báo mà Chi cục thuế gửi cho công ty đều được trả lại.

Ngày 16/4/2019, Công ty K hoàn chỉnh và nộp hồ sơ cho Chi cục Thuế huyện B1.

Ngày 04/5/2019, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 955/QĐ-CT về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH K từ ngày 17/4/2019 đến hết ngày 03/11/2060 và ngày 18/7/2019 Chi cục thuế huyện B1 ban hành Thông báo số 714/TB-CCT của về việc truy thu tiền thuê đất đối với Công ty K số tiền 2.072.914.879 đồng. Không đồng ý với các văn bản trên, ngày 22/5/2019 Công ty K đã có đơn khiếu nại ngày 22/5/2019. Ngày 01/7/2019, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1481/QĐ-CT ngày 01/7/2019 giải quyết không chấp nhận khiếu nại của công ty K.

Công ty K cho rằng: Quyết định số 955/QĐ-CT của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng căn cứ Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 09/6/2016; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/7/2014 là không đúng vì đây là các văn bản mới nên khi đó cơ quan thuế phải tổ chức hội thảo, mời các doanh nghiệp có hoạt động trên địa bàn mình quản lý để tham gia và thực hiện. Sau khi triển khai nếu công ty không thực hiện thì cơ quan thuế phải căn cứ vào Điều 9 Luật quản lý thuế năm 2006 yêu cầu doanh nghiệp cung cấp hồ sơ để xét miễn tiền thuê đất. Nếu doanh nghiệp không thực hiện thì phải áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ rồi mới ra quyết định truy thu tiền thuê đất. Tuy nhiên, cơ quan thuế không thực hiện nhưng lại cho rằng Công ty K chậm làm hồ sơ và tiến hành truy thu thuế đối với Công ty là không đúng. Do vậy, nay Công ty K có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án:

1. Hủy Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH K.

2. Hủy Công văn số 1121/CT-HKD ngày 10/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc Đình chỉ Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng.

3. Hủy Quyết định số 1481/QĐ-CT ngày 01/7/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại của công ty TNHH K.

4. Hủy Thông báo số 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 của Chi cục Thuế huyện B1 về việc truy thu tiền thuê đất.

Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng trình bày:

Công ty TNHH T được UBND tỉnh Lâm Đồng cho thuê đất theo Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 14/12/2010; Quyết định số 2682/QĐ- UBND ngày 28/11/2011; Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc điều chỉnh tên tổ chức thuê đất theo Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 và Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 28/11/2011 của UBND tỉnh (sang tên Công ty TNHH K).

Công ty K thuộc đối tượng hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm a, Khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

1. Căn cứ pháp lý để giải quyết hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất

a. Pháp luật về thuế

-Tại Điều 3, Điều 5, Điều 7, Điều 8, khoản 1 Điều 22, Điều 23, Điều 61 và Điều 62 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Luật Quản lý thuế quy định: “Quyền của người nộp thuế

1. Được hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.”

Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Luật Quản lý thuế quy định: “2. Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.”

Theo khoản 2 Điều 8 của Luật Quản lý thuế quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế là tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế; công khai các thủ tục về thuế.

Căn cứ các quy định trên Cơ quan thuế thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn về chính sách thuế đến các đối tượng phải đóng thuế trên trang web của Tổng cục thuế và Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, các buổi tập huấn chứ không có trách nhiệm phải thực hiện việc liên hệ đến từng cá nhân, tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn, trừ các trường hợp có văn bản yêu cầu hướng dẫn. Do đó, trách nhiệm của doanh nghiệp là phải nghiên cứu các chính sách ưu đãi để được hưởng quyền lợi của chính doanh nghiệp. Đồng thời, theo khoản 3 Điều 8 Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định về nghĩa vụ doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 6, khoản 7 Điều 8 Luật doanh nghiệp quy định: “6. *Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan*”.

Điều 61. Miễn thuế, giảm thuế

“ Cơ quan quản lý thuế thực hiện miễn thuế, giảm thuế đối với các trường hợp thuộc diện miễn thuế giảm thuế được quy định tại các văn bản pháp luật về thuế.”

- Căn cứ vào điểm a, Khoản 5, Điều 46, Chương 6, Thông tư số 156/2013/TT-BTC, ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý Thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản

lý Thuê và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP, ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định về miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước:

5. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước bao gồm:

a) Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước (dưới đây gọi chung là tiền thuê đất), bao gồm:

- Đơn đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất, ghi rõ: diện tích đất thuê, thời hạn thuê đất lý do miễn, giảm và thời hạn miễn giảm tiền thuê đất.

[...]

b) Pháp luật về đất đai:

Tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định:

“Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 và bổ sung khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17 Điều 31 như sau:

[...]

17. Trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp có ghi cụ thể mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất mà mức này đã được xác định đúng quy định của pháp luật về đầu tư; hoặc không ghi cụ thể mức miễn, giảm tiền thuê đất hoặc không thuộc trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư nhưng thuộc đối tượng và đáp ứng đủ các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật tại thời điểm được Nhà nước cho thuê đất nhưng người thuê đất chậm làm thủ tục để được miễn, giảm thì nay tiếp tục được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm được Nhà nước cho thuê đất, người thuê đất phải nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, quá thời hạn này người thuê đất mới nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất thì chỉ được xét miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian miễn, giảm tiền thuê đất còn lại (nếu có) tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.”

Căn cứ khoản 5 Điều 12 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Cụ thể:

“5. Người được Nhà nước cho thuê đất chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định. Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất nhưng người

được Nhà nước cho thuê đất không làm thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất thì phải nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp chậm làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất thì khoảng thời gian chậm làm thủ tục không được miễn, giảm tiền thuê đất.”

Trường hợp khi nộp hồ sơ xin miễn, giảm tiền thuê đất đã hết thời gian được miễn, giảm theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP thì người được Nhà nước cho thuê đất không được xét miễn, giảm tiền thuê đất; nếu đang trong thời gian được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định thì chỉ được miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian ưu đãi còn lại tính từ thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin miễn, giảm tiền thuê đất.”

Như vậy, căn cứ theo các quy định trên để được miễn giảm tiền thuê đất người thuê đất phải nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất trước ngày 01/01/2017. Quá thời hạn này người thuê đất mới nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất thì chỉ được xét miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian miễn giảm tiền thuê đất còn lại (nếu có) tính từ thời điểm nộp hồ sơ miễn giảm tiền thuê đất theo quy định.

2. Trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc miễn tiền thuê đất đối với Công ty TNHH K và công văn số 1211/CT-HKD ngày 10/5/2019 về việc đính chính Quyết định số 955/QĐ-CT của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng và Thông báo số 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 của Chi cục Thuế huyện B1 về việc truy thu tiền thuê đất:

Chi cục thuế B1 nay là Chi cục thuế khu vực B2- B1 đã đơn đốc công ty TNHH K nộp hồ sơ miễn giảm như sau:

Ngày 10/08/2015, Chi cục thuế ban hành Công văn số 625/CV-CCT về việc yêu cầu các tổ chức Doanh nghiệp trên địa bàn huyện B1 có hoạt động thuê đất trên địa bàn huyện B1 lập thủ tục hồ sơ thuê đất gửi đến Chi cục thuế B1 trước ngày 30/10/2015.

Ngày 11/08/2015 Chi cục thuế B1 phát hành giấy mời số 626/GM-CCT mời giám đốc các tổ chức doanh nghiệp có hoạt động thuê đất trên địa bàn B1 với nội dung triển khai chính sách thuế đối với hoạt động thuê đất.

Ngày 11/3/2016 Chi cục Thuế B1 có công văn số 176/CCT gửi các Công ty, tổ chức trên địa bàn huyện B1 có hoạt động thuê đất yêu cầu nộp hồ sơ miễn giảm tiền thuê đất trước ngày 15/4/2016.

Ngày 06/5/2016 Chi cục Thuế tiếp tục ban hành công văn số 448/CCT v/v đơn đốc nộp hồ sơ miễn tiền thuê đất, ngày 08/8/2018 Chi cục Thuế phát hành công văn số 762/CCT-CKTTĐ v/v đơn đốc nộp hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất và ngày 21/02/2019 Chi cục Thuế phát hành công văn số 109/CCT-CKTTĐ v/v tiếp tục đơn đốc nộp hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất gửi đến Doanh nghiệp. Cả 3 công văn này Bưu điện đều trả lại với lý do không có tại địa phương, không tìm thấy Văn phòng Công ty.

Ngày 07/3/2019, Chi cục Thuế phát hành Giấy mời số 153/GM-CCT gửi Công ty TNHH K đến làm việc vào ngày 14/3/2019 với nội dung kê khai tiền thuê đất, cung cấp hồ sơ liên quan đến việc thuê đất của Doanh nghiệp, phân loại diện tích đất, nộp hồ sơ miễn tiền thuê đất (cùng các địa chỉ gửi cho doanh nghiệp như trên). Doanh nghiệp đã nhận được giấy mời và có công văn không số ngày 13/3/2019 xin dời ngày làm việc vào lúc 9 giờ ngày 18/3/2019, ngày 18/3/2019 hai bên tiến hành làm việc. Căn cứ các quy định hiện hành Chi cục Thuế hướng dẫn và đề nghị Doanh nghiệp lập hồ sơ miễn tiền thuê đất nộp Chi cục Thuế để được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định. Tại buổi làm việc, Doanh nghiệp trình bày không có hồ sơ để làm thủ tục miễn tiền thuê đất và Doanh nghiệp có đơn xin được photo, sao chụp các tài liệu liên quan của doanh nghiệp đang lưu trữ tại Chi cục thuế để hoàn chỉnh hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất.

Ngày 25/3/2019 Doanh nghiệp có nộp hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất đến Chi cục Thuế nhưng hồ sơ chưa đảm bảo (thiếu bản sao Quyết định cho thuê đất số 2925/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng) nên cơ quan Thuế đã có công văn số 203/CCT-CKTTĐ ngày 27/3/2019 yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ.

Đến ngày 17/4/2019 Chi cục Thuế nhận được văn bản đề nghị miễn tiền thuê đất số 01/2019 ngày 05/4/2019 và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH K.

Căn cứ vào hồ sơ, đơn xin miễn giảm tiền thuê đất của Công ty TNHH K gửi Chi cục Thuế huyện B1 (Văn bản xin miễn giảm tiền thuê đất của Công ty TNHH K số 01/2019 đề ngày 05/4/2019, thời gian xin miễn giảm, số tiền xin miễn giảm theo đúng nội dung); Tờ trình số 303/CCT-CKTTĐ ngày 19/4/2019 của Chi cục Thuế huyện B1; Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc miễn tiền thuê đất đối với Công ty TNHH K là đúng theo quy định và công văn số 1211/CT-HKD ngày 10/5/2019 về việc đính chính Quyết định số 955/QĐ-CT nội dung miễn tiền thuê đất kể từ ngày 17/4/2019 (thời điểm nộp hồ sơ) đến hết ngày 03/11/2060 (theo quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 14/12/2010).

Căn cứ Mục II khoản 2 Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 17-5-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định phân công cơ quan thuế quản lý đối với người nộp thuế, Chi cục thuế huyện B1 đã ban hành 3 lần giấy mời đến làm việc với nội dung xác định tiền thuê đất phải nộp trong thời gian không được miễn tiền thuê đất theo giấy mời. Căn cứ vào Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng về miễn tiền thuê đất cho công ty K và công văn số 1211/CT-HKD ngày 10/5/2019 về việc đính chính Quyết định số 955/QĐ-CT, Chi cục thuế huyện B1 đã ban hành Thông báo số 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 về việc truy thu tiền thuê đất, thời gian truy thu từ ngày 27/12/2010 (ngày bàn giao đất) đến ngày 16/4/2019, số tiền truy thu 2.072.914.879 đồng là đúng quy định của pháp luật.

3. Về giải quyết khiếu nại của Công ty K:

Ngày 22/5/2019, Cục thuế tỉnh Lâm Đồng nhận được đơn khiếu nại của công ty K đối với Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019. Qua xác minh, các hồ sơ, chứng cứ liên quan đến nội dung đơn khiếu nại của doanh nghiệp nhận thấy: Cơ quan thuế đã thực hiện các bước thủ tục hành chính để xem xét miễn tiền thuê đất của Công ty K và ngày 04/5/2019 Cục thuế tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 955/QĐ-CT là đúng quy định của pháp luật; Công ty được miễn tiền thuê đất từ 17/4/2019 (thời điểm nộp hồ sơ) trở về trước, do công ty nộp trễ hồ sơ theo quy định tại điểm 17, Điều 3 Nghị định 135/2016/NĐ-CP. Việc công ty K cho rằng không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của cơ quan thuế về việc nộp hồ sơ miễn tiền thuê đất hoặc hướng dẫn chính sách thuế khi có văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực thuê đất rừng là sai, không có cơ sở. Ngày 01/7/2019 Cục trưởng cục thuế tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 1481/QĐ-CT giải quyết không chấp nhận khiếu nại của Công ty K.

Đối với trình bày của người khởi kiện cho rằng nếu không lập hồ sơ miễn tiền thuê đất thì chỉ xử phạt vi phạm hành chính là không đúng vì Luật và các Nghị định liên quan đã quy định muốn được miễn tiền thuê đất thì doanh nghiệp phải kê khai, lập hồ sơ để được hưởng ưu đãi theo quy định. Việc làm hồ sơ miễn giảm là quyền lợi của doanh nghiệp nếu muốn ưu đãi thì phải nộp hồ sơ. Do vậy, không có chế tài quy định xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi không nộp hồ sơ miễn giảm. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty K thì Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lâm Đồng không đồng ý.

Từ những kết quả xác minh và căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của Công ty K là không có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chi cục thuế khu vực B2 - B1 trình bày:

Thống nhất với trình bày của Cục trưởng cục thuế tỉnh Lâm Đồng. Ngoài ra, bổ sung một số ý kiến sau:

Theo Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính Phủ quy định thì hồ sơ miễn tiền thuê đất phải kèm đơn đề nghị miễn giảm tiền thuê đất và các tài liệu kèm theo.

Trường hợp đã có giấy chứng nhận đầu tư thì hồ sơ miễn giảm phải có đơn, tờ khai, quyết định thuê đất,...Tuy nhiên, thời gian trước năm 2019 Công ty K không nộp hồ sơ miễn tiền thuê đất theo quy định.

Sau đó, khoản 6 Điều 18 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và khoản 17, Điều 3, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 đã quy định cụ thể hơn về những trường hợp chưa làm hồ sơ miễn tiền thuê đất thì người thuê đất chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm thủ tục để được miễn giảm theo quy định.

Chi cục thuế huyện B1 cũng đã nhiều lần gửi văn bản đốc thúc lập hồ sơ miễn tiền thuê đất gửi cho công ty K tại địa chỉ Tiểu khu 419, xã X1, huyện B1.

Tuy nhiên, các bưu phẩm đều bị Bưu điện trả về lý do công ty không có tại địa phương.

Năm 2019, sau khi công ty gửi hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất thì cơ quan thuế đã có văn bản miễn tiền thuê đất theo đúng quy định. Như vậy, người thuê đất chỉ được miễn giảm khi làm xong hồ sơ, thủ tục. Do vậy, người bị kiện Chi cục thuế huyện B1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

Việc hưởng ưu đãi về miễn tiền thuê đất phải căn cứ vào Luật đất đai, Luật thuế và Luật đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư có ghi miễn tiền thuê đất chỉ là một phần của hồ sơ miễn tiền thuê đất. Theo Luật đất đai 2013, Thông tư 141/2007/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính Phủ thì doanh nghiệp phải làm hồ sơ thì mới được hưởng ưu đãi liên quan.

Từ các quy định của pháp luật, việc Chi cục thuế huyện B1 ban hành Thông báo số 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 về việc truy thu tiền thuê đất đối với Công ty K là phù hợp. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản của người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T trình bày:

Công ty TNHH T là thành viên góp vốn thành lập Công ty K. Tuy nhiên, hiện nay dự án này đang được Công ty K thực hiện trên cơ sở công văn số 6782/UBND-LN ngày 01/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Từ ngày 04/11/2010 đến khi chuyển giao dự án cho Công ty K thực hiện, công ty không nhận được bất kỳ thông báo, yêu cầu nào của Chi cục thuế huyện B1 về việc nộp hồ sơ miễn tiền thuê đất. Dự án này không liên quan đến dự án của Công ty T. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định như sau:

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH K.

- Hủy Công văn số 1121/CT-HKD ngày 10/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc Đình chính Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng

- Hủy Quyết định số 1481/QĐ-CT ngày 01/7/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH K.

- Hủy Thông báo số 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 của Chi cục Thuế huyện B1 về việc truy thu tiền thuê đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bổ sung yêu cầu kháng cáo nếu không sửa án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì đề nghị hủy án sơ thẩm do đã tuyên Quyết định 955/QĐ-CT ngày 04-5-2019 có hiệu lực pháp luật mà không xem xét quyết định này đã ban hành sai diện tích đất thuê và tính tiền thuê sai. Dự án của Công ty K được hình thành và cấp phép theo Luật Đầu tư năm 2005 thuộc dự án được ưu đãi đầu tư, đến Luật Đầu tư năm 2014 vẫn đảm bảo duy trì các ưu đãi đã được hưởng, nếu có thay đổi về chính sách thuế thì doanh nghiệp cũng phải được thông báo và hướng dẫn nhưng công ty đã không được thông báo và hướng dẫn kịp thời nên việc chậm nộp và hoàn thành hồ sơ xin miễn tiền thuê đất không phải lỗi của Công ty.

Về đối tượng để truy thu tiền thuê đất được miễn theo khoản 7 Điều 18 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 mà Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 đề cập là trường hợp thuê đất theo quy định của Nghị định 46/2014/NĐ-CP và Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 15/11/2016 – quá trình sử dụng đất, Công ty K đều sử dụng đúng mục đích, đúng theo hợp đồng thuê đất nên cũng không phải hoàn trả số tiền được miễn vào ngân sách. Do đó, Điều 2 của Quyết định 955/QĐ-CT đã áp dụng khoản 7, Điều 18 để truy thu số tiền được miễn của Công ty K là sai đối tượng.

Vì Quyết định 955/QĐ-CT sai về nội dung, về đối tượng nên Thông báo 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 của Chi cục thuế huyện B1 cũng sai theo.

Đại diện Cục thuế tỉnh Lâm Đồng xác định các vấn đề pháp lý của Công ty K sau khi kế thừa hoàn toàn dự án đầu tư đã được phê duyệt từ Công ty T. Đồng thời xác định Công ty K đã chậm làm thủ tục xin miễn tiền thuê đất nên thẩm quyền của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định 955/QĐ-CT là đúng và về nội dung có phần chưa chính xác về diện tích nhưng đã được điều chỉnh theo Công văn 1122/CT-HKD ngày 10/5/2019.

Do vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1481/QĐ-CT ngày 01/7/2019 đã bác khiếu nại của Công ty K là có căn cứ do các tài liệu thể hiện Công ty đã làm hồ sơ trễ so với quy định. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Chi Cục thuế huyện B1 trình bày: trên cơ sở Quyết định 955/QĐ-CT đã ban hành Thông báo 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 để tính số tiền thuê đất bị truy thu của Công ty K từ khi nhận bàn giao đất đến trước thời điểm giao nộp hồ sơ xin miễn tiền thuê đất. Về thủ tục, nội dung của thông báo này đã đảm bảo đúng quy định pháp luật nên hợp pháp và có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Cục thuế tỉnh Lâm Đồng cũng xác định đã có văn bản báo cáo Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý các trường hợp tương tự Công ty K và Bộ Tài Chính

đã gửi văn bản 3349/BTC-TCT ngày 20/3/2020 hướng dẫn thực hiện đối với các trường hợp chậm nộp hồ sơ xin miễn tiền thuê đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã đúng theo quy định của luật tố tụng hành chính.

Xét đơn kháng cáo: Công ty K được hưởng chính sách ưu đãi trong đầu tư, nhưng để được hưởng ưu đãi phải đáp ứng các điều kiện theo quy định, cụ thể là làm hồ sơ xin miễn tiền thuê đất. Cơ quan thuế đã thực hiện thông báo đến Công ty nhưng Công ty vẫn cho rằng không nhận được hoặc không biết thông tin là không đúng. Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 142/NĐ – CP ngày 14/11/2015 của Chính phủ về việc thu tiền cho thuê đất, mặt nước đã thể hiện rõ. Do đó, công ty K cho rằng không nhận được thông báo về các thủ tục từ cơ quan thuế để lập hồ sơ là không có căn cứ. Các Quyết định, văn bản bị khởi kiện đều được ban hành đúng quy định pháp luật về hình thức, thẩm quyền, nội dung nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Xét quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã được tiến hành đúng thủ tục về thu thập chứng cứ, tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải, đối thoại giữa bên khởi kiện và bị kiện; cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết và đúng thẩm quyền giải quyết theo Điều 30 và 32 Luật Tố tụng hành chính.

Về đối tượng khởi kiện:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của Công ty K xác định đối tượng khởi kiện gồm Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH K; Công văn số 1121/CT-HKD ngày 10/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc Đình chính Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 1481/QĐ-CT ngày 01/7/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH K và Thông báo số 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 của Chi cục Thuế huyện B1 về việc truy thu tiền thuê đất.

Ngoài ra, còn khởi kiện về hành vi hành chính đối với Chi cục thuế huyện B1 về việc không hướng dẫn Doanh nghiệp thực hiện hồ sơ xin miễn, giảm tiền thuê đất sau khi có văn bản mới điều chỉnh vấn đề này.

Về thời hiệu khởi kiện: Các văn bản và hành vi hành chính bị kiện đều còn trong thời hiệu theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Đối với việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Công ty TNHH K khởi kiện đối với Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng và Chi cục thuế huyện B1 đối với các Quyết định hành chính và Thông báo đã nêu trên thấy rằng:

Ngày 03/10/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 42121000700 để Công ty K thực hiện dự án trồng cây cao su, trồng rừng kết hợp với quản lý rừng tại một phần Tiểu Khu 419 thuộc địa bàn xã X1, huyện B1. Trụ sở công ty là ở Tiểu Khu 419 thuộc địa bàn xã X1, huyện B1. Theo giấy chứng nhận đầu tư thì Công ty K được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê đất đối với diện tích trồng rừng, chăm sóc rừng. Theo quy định tại điểm a, khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thì Công ty K thuộc đối tượng hưởng ưu đãi với thời gian không nộp tiền thuê đất trong 11 năm. Theo trình bày của các bên, Công ty đã không thực hiện đóng tiền thuê đất từ năm 2010 đến khi Cơ quan thuế có thông báo về nộp hồ sơ miễn giảm tiền thuê đất.

Theo Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH K thì trường hợp công ty chậm nộp hồ sơ xin miễn thuộc sự điều chỉnh bởi khoản 6 Điều 18 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 17 Điều 3 Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, tại Công văn 3249/BTC-TCT ngày 20/3/2020 của Bộ Tài Chính gửi UBND tỉnh Lâm Đồng (BL 340 – 343) đã xác định: *căn cứ vào khoản 10 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc xem xét, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian chậm nộp hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất thuộc quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Và việc xem xét miễn tiền thuê đất đối với khoảng thời gian doanh nghiệp chậm làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất phải dựa trên số liệu đánh giá cụ thể. Tuy nhiên, UBND tỉnh Lâm Đồng chưa có đánh giá này nên việc tỉnh đề nghị Bộ Tài chính báo cáo với Thủ tướng là chưa có căn cứ và chưa xác đáng.*

Theo Nghị định 123/2017/NĐ - CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ quy định về thủ tục, hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất và mở rộng thời gian nộp hồ sơ. Đối với trường hợp xác định doanh nghiệp thuê đất đã chậm làm thủ tục này thì thẩm quyền để xem xét là thuộc Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở báo cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

Như vậy, Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lâm Đồng về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH K đã được ban hành là sai thẩm quyền và chưa có đánh giá của UBND tỉnh Lâm Đồng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét. Hệ quả của vi phạm này là nội dung của quyết định không được xem là có căn cứ và hợp pháp. Ngoài ra, trong Quyết định số 955/QĐ-CT không có nội dung buộc Công ty K nộp tiền thuê đất giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019 do chậm làm thủ tục xin miễn nộp tiền thuê đất nhưng Chi cục Thuế huyện B1 ban hành Thông báo số 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 truy thu tiền thuê đất là không đúng vì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị Định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thẩm quyền truy thu thuế các đối tượng này không phải của Chi cục Thuế.

Các Quyết định hành chính còn lại gồm văn bản đính chính Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và Thông báo về việc truy thu thuế đều là những văn bản được ban hành sau Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng và đều lấy căn cứ từ quyết định này nên đều không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty K là chưa phù hợp với các quy định đã viện dẫn.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận là kháng cáo hợp lệ. Về nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện và bổ sung ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm là hủy án sơ thẩm do các văn bản bị khởi kiện là trái pháp luật. Như phân tích trên - việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết bác yêu cầu khởi kiện là không đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử thông nhất sửa bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định hành chính và văn bản bị khởi kiện do vi phạm về thẩm quyền ban hành. Đề nghị Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét hồ sơ chậm làm thủ tục xin miễn tiền thuê đất như nội dung Công văn 3249/BTC-TCT ngày 20/3/2020 của Bộ Tài Chính gửi UBND tỉnh Lâm Đồng cùng với các quy định pháp luật đã đề cập ở phần trên.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, xác định lại nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận một phần kháng cáo Công ty trách nhiệm hữu hạn K, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn K;

1. Hủy Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn K;

2. Hủy Công văn số 1121/CT-HKD ngày 10/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc đình chính Quyết định số 955/QĐ-CT ngày 04/5/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng;

3. Hủy Quyết định số 1481/QĐ-CT ngày 01/7/2019 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại của Công ty trách nhiệm hữu hạn K;

4. Hủy Thông báo số 714/TB-CCT ngày 18/7/2019 của Chi cục Thuế huyện B1, tỉnh Lâm Đồng về việc truy thu tiền thuê đất.

Về án phí:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn K số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006771 ngày 02/6/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn K số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0019942 ngày 05/3/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

- Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, cụ thể như sau: Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng và Chi cục Thuế huyện B1, tỉnh Lâm Đồng (nay là Chi cục Thuế khu vực B2 – B1, tỉnh Lâm Đồng), mỗi cơ quan phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ

